

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 22 - 4 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Loan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1./ Ông Nguyễn Tiến Dũng.

2./ Bà Trần Thị Liên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột** tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại phòng xử án - Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1090/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2023, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị Minh C, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai nguyên đơn, bà Đặng Thị Minh C trình bày:**

Tôi và ông Nguyễn Đình K đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 15/11/1997. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, tính cách không hòa hợp. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi và ông Nguyễn Đình K được ly hôn.

**- Về con chung:** Tôi và ông Nguyễn Đình K có 04 con chung:

1./ Nguyễn Đặng Quốc H, sinh ngày 29/8/1998;

2./ Nguyễn Đăng Nguyệt H1, sinh ngày 29/8/1998;

3./ Nguyễn Đăng Thanh T, sinh ngày 11/5/2001;

4./ Nguyễn Đăng Triệu V, sinh ngày 16/6/2008.

Hiện nay các cháu H, H1, T đã đủ 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu V, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu V ở với tôi nên tôi có nguyện vọng xin được nuôi cháu V cho đến khi cháu V 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Bị đơn ông Nguyễn Đình K trình bày:**

Tôi và bà Đặng Thị Minh C đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 15/11/1997. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình, kinh tế không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nguyện vọng của tôi là đồng ý ly hôn với bà Đặng Thị Minh C.

- Về con chung: Tôi và bà Đặng Thị Minh C có 04 con chung:

1./ Nguyễn Đăng Quốc H, sinh ngày 29/8/1998;

2./ Nguyễn Đăng Nguyệt H1, sinh ngày 29/8/1998;

3./ Nguyễn Đăng Thanh T, sinh ngày 11/5/2001;

4./ Nguyễn Đăng Triệu V, sinh ngày 16/6/2008.

Hiện nay các cháu H, H1, T đã đủ 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu V, cháu muốn ở với ai tùy quyết định của cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Đình K nhưng ông K vẫn vắng mặt không có lý do.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột trình bày:**

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đặng Thị Minh C.

Về quan hệ hôn nhân: bà Đặng Thị Minh C được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

Về con chung:

Hiện nay các con chung là Nguyễn Đăng Quốc H, sinh ngày 29/8/1998; Nguyễn Đăng Nguyệt H1, sinh ngày 29/8/1998; Nguyễn Đăng Thanh T, sinh ngày 11/5/2001 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Đăng Triệu V, sinh ngày 16/6/2008 cho bà Đặng Thị Minh C chăm sóc nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Đình K có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Đặng Thị Minh C yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đình K, địa chỉ cư trú tại Tổ dân phố H, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Đình K vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Minh C và ông Nguyễn Đình K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 15/11/1997 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Đặng Thị Minh C và ông Nguyễn Đình K chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do quan điểm sống bất đồng, tính tình không hợp nhau, nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt không thể hàn gắn được, đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn và ông K cũng đồng ý ly hôn.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương. Đại diện chính quyền địa phương cho biết: “*Trong quá trình chung sống bà C, ông K có mâu thuẫn vợ chồng, cãi nhau, đánh đập nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Bà C đã ly thân với ông K từ năm 2022 đến nay.*”

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, việc bà Đặng Thị Minh C xét thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn Đình K, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuẫn cuộc sống kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Đặng Thị Minh C, cho bà Đặng Thị Minh C được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Đặng Thị Minh C và ông Nguyễn Đình K có 04 con chung là Nguyễn Đặng Quốc H, sinh ngày 29/8/1998; Nguyễn Đặng Nguyệt H1, sinh ngày 29/8/1998; Nguyễn Đặng Thanh T, sinh ngày 11/5/2001; Nguyễn Đặng Triệu V, sinh ngày 16/6/2008.

Đối với các con chung là Nguyễn Đặng Quốc H, sinh ngày 29/8/1998; Nguyễn Đặng Nguyệt H1, sinh ngày 29/8/1998; Nguyễn Đặng Thanh T, sinh ngày 11/5/2001: Hiện nay đã đủ 18 tuổi nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Đăng Triệu V, sinh ngày 16/6/2008: Quá trình giải quyết vụ án bà C cũng có nguyện vọng được giao V cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng; Nguyện vọng của ông K về con chung là tùy vào quyết định của cháu. Tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu V: Cháu V cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Nên Hội đồng xét xử xét thấy việc bà C có nguyện vọng nuôi con là phù hợp với thực tế và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Đăng Triệu V, sinh ngày 16/6/2008 cho mẹ là bà Đặng Thị Minh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đặng Thị Minh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Thị Minh C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bị đơn ông Nguyễn Đình K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Minh C.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Đặng Thị Minh C được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

**2. Về con chung:**

Hiện nay các con chung là Nguyễn Đăng Quốc H, sinh ngày 29/8/1998; Nguyễn Đăng Nguyệt H1, sinh ngày 29/8/1998; Nguyễn Đăng Thanh T, sinh ngày 11/5/2001 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Đăng Triệu V, sinh ngày 16/6/2008 cho bà Đặng Thị Minh C chăm sóc nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Đình K có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

**5. Về án phí:** Bà Đặng Thị Minh C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2023/0004972 ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- C1;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(ĐÃ KÝ)*

**Nguyễn Thị Loan**



